

Bản án số: **48/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 18 – 4 - 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Sương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Phi Công
2. Ông Phạm Đức Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 456/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thu Th**, sinh năm: 1992

ĐKTT: 63D/1 ấp T, xã T, huyện Ch, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Ph, xã Ph, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Võ Văn Bảo Tr**, sinh năm: 1990

ĐKTT: 63D/1 ấp T, xã T, huyện Ch, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu Th trình bày: Chị và anh Võ Văn Bảo Tr tự nguyện kết hôn, đăng ký vào năm 2011 tại Ủy ban nhân xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Quá trình chung sống anh chị có hạnh phúc trong thời gian đầu kết hôn, thời gian sau giữa hai anh chị thường nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp; anh Tr không lo làm ăn xây dựng gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích. Anh chị không còn chung

sống với nhau từ năm 2019 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay chị không còn tình cảm gì với anh Tr nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Võ Hạo N, sinh ngày 25/6/2011 và cháu Võ Bảo N, sinh ngày 22/6/2015, các cháu hiện đang ở với anh Tr. Nay chị đồng ý giao 02 con chung cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Văn Bảo Tr trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trần Thị Thu Th về điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống anh chị không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên đã ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Mặc dù gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Th nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Bảo N và Võ Hạo N; không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th: chị Th được ly hôn với anh Tr; đề nghị giao cháu Võ Bảo N, sinh ngày 22/6/2015 và Võ Hạo N, sinh ngày 25/8/2011 cho anh Tr nuôi dưỡng, đến khi **các** cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th; Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Thu Th và anh Võ Văn Bảo Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Th, anh Tr tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th, anh Tr tự nguyện kết hôn năm 2011, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, anh chị thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị Th cho rằng sau khi kết hôn

anh chị chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, thời gian sau giữa hai anh chị thường nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp; anh Tr không lo làm ăn xây dựng gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích. Anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay chị không còn tình cảm gì với anh Tr nữa nên yêu cầu được ly hôn. Quá trình làm việc anh Tr thừa nhận cuộc sống vợ chồng thường xảy ra bất hòa, mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp; hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau. Anh Tr xác định không còn tình cảm với chị Th nên đồng ý ly hôn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Th, anh Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị Th được ly hôn với anh Tr là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Võ Hạo N, sinh ngày 25/6/2011 và cháu Võ Bảo N, sinh ngày 22/6/2015. Anh Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy, các cháu từ trước đến nay ở với anh Tr; cháu Võ Hạo N có nguyện vọng ở với cha. Mặt khác, chị Th đồng ý giao cháu Võ Hạo N và Võ Bảo N cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên giao 02 con chung cho anh Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tr không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Th, anh Tr trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Th, anh Tr trình bày anh chị không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 58, 81, 82, 83; 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu Th

1. Chấp nhận cho chị Trần Thị Thu Th được ly hôn với anh Võ Văn Bảo Tr.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 18/5/2011 do Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp cho chị Trần Thị Thu Th và anh Võ Văn Bảo Tr không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Hạo N, sinh ngày 25/6/2011 và cháu Võ Bảo N, sinh ngày 22/6/2015 cho anh Võ Văn Bảo Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Võ Văn Bảo Tr không yêu cầu chị Trần Thị Thu Th cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Chị Th được quyền thăm nom con chung, nhưng không được gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Tr.

Khi có lý do chính đáng, chị Trần Thị Thu Th, anh Võ Văn Bảo Tr có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Thu Th phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Th đã nộp theo biên lai thu số 0005094 ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu Th và anh Võ Văn Bảo Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Sương

